

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2017

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thu Thanh

Ông Vũ Xuân Thành

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2017/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX - ST ngày 14/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1978; có mặt.

Địa chỉ: thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình

- ***Bị đơn:*** Anh **Phạm Quang N**, sinh năm 1966; vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đắc Chúng N, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Phạm Quang N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2012 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh N ở thôn Đắc Chúng N, xã Q và sinh được 01 con. Sau khi sinh con được 06 tháng thì chị đưa con lên nhà mẹ chị ở thôn L, xã V, thành phố T để chị tiện đi làm đến tối thứ bảy thì hai mẹ về nhà ở xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng anh N không đưa tiền để chị chi tiêu, tiền của anh N thì anh N tiêu. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N hay uống rượu rồi mắng chửi chị T vô cớ. Năm 2016 chị làm đơn xin ly hôn anh N gửi Tòa án huyện K, sau đó chị rút đơn để đoàn tụ vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con nhưng anh N không thay đổi, vẫn chửi mắng chị vô cớ. Đến tháng 6/2017 do anh N thường xuyên mắng chửi chị nên chị và con không về nhà ở xã Q nữa. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- Về quan hệ con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Phạm Gia M sinh ngày 12/7/2013, hiện đang ở cùng chị T. Ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị T không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/8/2017, bị đơn là anh Phạm Quang N trình bày: về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn chị T chỉ ở gia đình anh được vài ngày rồi lên thành phố T làm ăn đến cuối tuần mới về nhà anh. Sau khi sinh con chị T ở nhà anh đến hết cữ rồi chuyển cả khẩu cho con đến thôn L xã V thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống từ đó đến nay. Trong quá trình chung sống chị T không thực hiện bổn phận làm vợ. Năm 2016 chị T đã viết đơn xin ly hôn anh, sau đó chị T rút đơn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn ở thành phố T, không chịu về Q chung sống*

với anh, không cho con về thăm anh. Anh đã nhiều lần nói với chị T là về Q vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng chị T không chịu về nên anh đã đốt giấy chứng nhận kết hôn và quần áo của chị T. Tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn gì. Nay chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết càng nhanh càng tốt. Vợ chồng anh có 01 con chung là Phạm Gia M sinh ngày 12/7/2013 do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con Phạm Gia M vì con còn bé. Vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay nợ chung, không cho vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã Q huyện K tỉnh Thái Bình ngày 10/8/2017 cung cấp cho biết: Chị T và anh N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 28/7/2012. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2016 chị T làm thủ tục xin ly hôn anh N tại Tòa án nhân dân huyện K. Sau khi Tòa án hòa giải chị T rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không về xã Q chung sống với anh N mà hai mẹ con vẫn sống ở thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nay chị T xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị T anh N có một con chung là Phạm Gia M sinh ngày 12/7/2013, hiện do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng vì hiện nay con chung còn nhỏ. Vợ chồng chị T và anh N không có tài sản chung, không vay nợ chung.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng không những tự tước bỏ quyền, nghĩa vụ của mình mà còn thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh N.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Gia M sinh ngày 12/7/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị T, anh N đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Q để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con chung, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị T kết hôn với anh Phạm Quang N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh N hay mắng chửi chị T vô cớ, còn anh N thì cho rằng chị T không thực hiện bốn phận làm vợ, không muốn về xã Q chung sống với anh. Năm 2016 chị T làm đơn xin ly hôn anh N, sau đó chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị thấy anh N không thay đổi, vẫn chửi mắng chị vô cớ. Anh N thì cho rằng chị T chỉ muốn sinh sống ở thành phố T, không muốn về

chung sống với anh. Hiện nay chị T và con Minh sinh sống tại xã V, thành phố T, còn anh N sinh sống tại xã Q huyện K, vợ chồng sống xa nhau nhưng không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn và anh N cũng đồng ý ly hôn vì cả hai vợ chồng đều cảm thấy không còn tình cảm gì với nhau nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Phạm Gia M, sinh ngày 12/7/2017, hiện do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con vì vậy cần chấp nhận ý kiến của chị T và anh N là giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị T và anh N không có tài sản chung, không vay nợ chung.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Quang N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con Phạm Gia M, sinh ngày 12/7/2013 cho chị Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Trần Thị T không yêu cầu anh Phạm Quang N

cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Quang N có quyền thăm non, chăm sóc con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000758 ngày 20/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình, như vậy chị Trần Thị T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

